|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  Số: /BC-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

**ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT VỀ MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

**A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**I. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Nhìn từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương lớn làm định hướng chính trị cho đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Từ chủ trương khoán 100 đến khoán 10 đã giải phóng sức lao động của nông dân, tạo bước chuyển biến cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992) và Trung ương 5 khóa VII (tháng 6/1993) với những đổi mới đột phá như giao đất cho nông dân sử dụng lâu dài và mở rộng các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng ruộng đất... đã tạo nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) đất nước.

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta. Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thúc đẩy tích tụ, tập trung, quản lý sử dụng bền vững, có hiệu quả đất nông nghiệp.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó có chính sách thuế SDĐNN được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong những năm qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh thuế bổ sung năm 1994 đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích đất. Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, từ năm 2001 đến nay, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều Nghị quyết miễn, giảm thuế SDĐNN theo hướng mở rộng đối tượng ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước theo từng thời kỳ.

Hiện hành, chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo các Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN thời gian qua cho thấy chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

*(i) Góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*

*(ii) Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân.*

*(iii) Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.*

*(iv) Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.*

*(v) Góp phần* *tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN.*

Tuy nhiên, việc miễn thuế theo Nghị quyết số 107/2020/QH14 chỉ thực hiện đến hết ngày 31/12/2025.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

**II. Mục tiêu xây dựng chính sách**

**1. Mục tiêu chung**

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích tích tụ ruộng đất.

-Phù hợp với thông lệ quốc tế.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiếp tục kế thừa kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDĐNN hiện hành.

- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

**B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT**

**I. Chính sách 1: Quy định về tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 6/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” đã nêu giải pháp: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”.*

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã chỉ ra những hạn chế của nông nghiệp hiện nay như: “*Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn hạn chế. Trong nhiều năm tăng trưởng nông nghiệp thấp hơn mục tiêu Nghị quyết đã đề ra. Hiệu quả kinh tế của cây lúa và một số loại cây trồng khác không cao; cơ chế, chính sách chưa thực sự bảo đảm hài hòa lợi ích cho người trồng lúa, địa phương được quy hoạch trồng lúa, nhiều nông dân không thiết tha sản xuất, bỏ ruộng hoang… Thu nhập và đời sống của phần lớn nông dân và dân cư nông thôn còn thấp, bấp bênh, kết quả giảm nghèo chưa bền vững; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi tỉ lệ hộ nghèo còn cao*”. Đồng thời, tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị cũng xác định: “*nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta*”, theo đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tập trung thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau nhằm tiếp tục tổ chức thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2025 của Nghị quyết, trong đó có giải pháp: “*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là các cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, thị trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân cần hướng tới quan hệ sản xuất hợp lý hóa, tạo động lực mạnh mẽ hơn, có năng suất lao động và sức cạnh tranh cao hơn, đem lại thu nhập cao và bền vững*”.

Chính sách ưu đãi thuế SDĐNN hiện đang thực hiện theo quy định sau:

- Điều 19 Luật thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế đối với các trường hợp sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, địch hoạ làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

- Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011) và Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế SDĐNN (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) quy định miễn thuế SDĐNN đến hết năm thuế 2020 đối với:

(i) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

(ii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

(iii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

(iv) Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế SDĐNN trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế SDĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SDĐNN, gồm:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

+ Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

- Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế SDĐNN đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội. Theo đó, hiện hành, chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hiện nay thuế SDĐNN đang được miễn theo Luật thuế SDĐNN, theo Nghị quyết số 55/2010/QH12; Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội chỉ thực hiện miễn thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2025.

Việc thực hiện miễn thuế SDĐNN theo quy định hiện hành trên thực tế không gặp vướng mắc. Trong quá trình tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, các địa phương đều đề xuất tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, để tiếp tục thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục thực hiện các kết quả đã đạt được của chính sách miễn thuế SDĐNN thì cần thiết phải tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

**3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

***3.1. Giải pháp 1:***Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

***3.2. Giải pháp 2:*** Không quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN (việc miễn, giảm thuế SDĐNN thực hiện theo quy định tại Luật thuế SDĐNN).

**4. Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất**

***4.1. Giải pháp 1:***

- Tác động tích cực:

+ Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới là phù hợp và góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 6/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “*tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*” và tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

+ Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN là phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 về tập trung, tích tụ ruộng đất và các định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định KT-XH.

+ Góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Cùng với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi đối với ngành nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tiếp theo là một giải pháp khuyến nông góp phần nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và hướng tới phát triển một nền nông nghiệp bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới.

+ Góp phần khuyến khích tập trung, tích tụ đất nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn thuế SDĐNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp[[1]](#footnote-1).

+ Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN là giải pháp hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, từ đó, tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ngoài ra, chính sách miễn thuế SDĐNN là hình thức hỗ trợ hiệu quả cho người nông dân do đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân lại khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước[[2]](#footnote-2). Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

+ Góp phần hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, nâng cao mức sống và góp phần xây dựng nông thôn mới. Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN có hiệu ứng về mặt xã hội là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động đi làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

+ Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN; góp phần khuyến khích SDĐNN hiệu quả và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Thông qua việc kê khai để xác định số thuế SDĐNN được miễn, Nhà nước kiểm soát và quản lý việc SDĐNN tới từng xã, nắm được sự biến động và tình hình quản lý, SDĐNN ở từng địa phương, góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai và hạn chế tình trạng đất bỏ hoang không đưa vào sử dụng.

+ Phù hợp với thông lệ quốc tế về xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp[[3]](#footnote-3), trợ cấp nông nghiệp[[4]](#footnote-4) thì miễn thuế SDĐNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế khu vực và thế giới, đến nay, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)... Việc miễn thuế SDĐNN không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam về thuế trong Hiệp định nông nghiệp của WTO, Hiệp định EVFTA và CPTTP.

Như vậy, việc tiếp tục duy trì miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Thực hiện theo giải pháp này thì không có hạn chế đáng kể nào do hiệu ứng tích cực về tác động KT-XH của việc thực hiện miễn thuế SDĐNN theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời gian qua, ngoại trừ việc kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN sẽ không làm tăng số thu NSNN.

***4.2. Giải pháp 2:***

- Tác động tích cực:

+ Đảm bảo tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ về thuế sử dụng đất giữa đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp.

+ Tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp thông qua việc kê khai, nộp thuế và quản lý SDĐNN.

+ Không phát sinh chi phí để triển khai thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

+ Tăng cường nguồn thu bền vững cho ngân sách địa phương do một số đối tượng đang được hưởng ưu đãi miễn thuế theo Nghị quyết số 55/2010/NQ12 và Nghị quyết số 28/2016/NQ14, Nghị quyết số 107/2020/QH14 sẽ phải nộp thuế khi hết thời hạn ưu đãi, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

- Tác động tiêu cực:

+ Cần thiết sửa đổi quy định về thuế SDĐNN để đảm bảo tính khả thi trong thực tế. Luật thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 20 năm, đến nay đã có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế SDĐNN được tính bằng thóc, thu bằng tiền, trong một vài trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc), và phần lớn nội dung hiện đã không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

+ Chưa thực sự phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước coinông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta.

+ Không khuyến khích được nhiều đối tượng tham gia đầu tư vào sản xuất nông nghiệp do đối tượng được hưởng ưu đãi bị thu hẹp.

+ Khó thực hiện mục tiêu “tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng” do: Trong bối cảnh nguồn vốn của Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế thì việc thu hẹp đối tượng được hưởng ưu đãi thuế SDĐNN sẽ không thu hút nhiều thành phần kinh tế trong xã hội tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, dẫn đến nguồn lực vốn từ nền kinh tế để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giảm nên sẽ khó thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

+ Việc cắt giảm sự hỗ trợ của Nhà nước cho người sản xuất nông nghiệp do đối tượng được hưởng ưu đãi bị thu hẹp sẽ làm người sản xuất nông nghiệp không yên tâm đầu tư lâu dài vào sản xuất nông nghiệp.

+ Dễ gặp phải phản ứng từ doanh nghiệp và người dân do tăng nghĩa vụ tài chính phải nộp đối với nhà nước (do phải chuyển từ đối tượng được miễn thuế sang nộp thuế).

**5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp**

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính nghiêng về giải pháp 1.

**II. Chính sách 2: Quy định về thời hạn miễn thuế**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

Đánh giá sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn[[5]](#footnote-5) cho thấy nông nghiệp đã tiếp tục phát triển cả về quy mô, trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, tuy nhiên, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết, thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở nông thôn gặp nhiều khó khăn.

Miễn thuế SDĐNN là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nếu thời kỳ ưu đãi kéo dài sẽ tăng áp lực lên NSNN, ngược lại nếu thời gian ưu đãi ngắn thì chỉ thu hút được các dự án ngắn hạn hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3-3,2%/năm[[6]](#footnote-6), góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất trên diện tích đất của mình, từ đó có điều kiện nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống; đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH (Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta)* thì cần thiết phải đề xuất thời hạn miễn thuế SDĐNN cho phù hợp.

**2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển KT-XH từng thời kỳ.

**3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

***3.1. Giải pháp 1:*** Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

***3.2. Giải pháp 2:***Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 10 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035).

**4. Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất**

***4.1. Giải pháp 1:***

- Tác động tích cực:

+ Phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, đời sống khu vực nông thôn và định hướng phát triển KT-XH của đất nước.

Việt Nam đang trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhau. Do tác động nặng nề của dịch bệnh và biến động địa chính trị toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã chậm lại đáng kể. Theo báo cáo kinh tế giữa kỳ 2021-2025 của Quốc hội[[7]](#footnote-7), việc đảm bảo phấn đấu đạt chỉ tiêu GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5-7% là rất khó khăn. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhiều chính sách ưu đãi cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được ban hành góp phần làm thay đổi đáng kể nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

Việc tiếp tục thực hiện miễn thuế trong thời hạn 5 năm 2026-2030 sẽ góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH 5 năm, Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp[[8]](#footnote-8), chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 5 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

+ Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chính sách thuế đối với đất nông nghiệp sẽ không ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của người nông dân.

- Tác động tiêu cực: Do thời gian ưu đãi không nhiều nên có thể chỉ thu hút được các dự án ngắn hạn đầu tư vào nông nghiệp hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

***4.2. Giải pháp 2:***

- Tác động tích cực:

+ Chính sách được thực hiện ổn định, dễ thu hút được các dự án dài hạn đầu tư vào nông nghiệp.

+ Góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ người nông dân đầu tư mở rộng sản xuất, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong bối cảnh đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

+ Phù hợp với chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 10 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực:

+ Việc miễn thuế trong thời gian dài trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới biến động khó lường. Trong trường hợp cần thiết sẽ khó có thể điều chỉnh chính sách khi cần phải có chính sách thuế để điều tiết.

+ Thời gian miễn dài sẽ tăng áp lực lên NSNN.

**5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp**

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính nghiêng về giải pháp 1.

**III. Đánh giá tác động của các giải pháp đến giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật**

**1. Tác động đến giới**

Các giải pháp về chính sách nêu trên không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

**2. Tác động về thủ tục hành chính**

Các giải pháp lựa chọn đều không phát sinh thủ tục hành chính khi thực hiện.

**3. Tác động đối với hệ thống pháp luật**

- Bộ máy nhà nước: Các giải pháp đề xuất không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Các giải pháp đề xuất không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Các giải pháp đề xuất không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Các giải pháp đề xuất không trái với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Các giải pháp đề xuất đều phù hợp hoàn toàn với thông lệ quốc tế, nghĩa vụ của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

**C. LẤY Ý KIẾN**

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan với việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (công văn số .../BTC-CST ngày .../.../2024).

**D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Trách nhiệm thi hành Nghị quyết là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành.

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Nghị quyết. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Nghị quyết trong phạm vi địa phương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN./.

**BỘ TÀI CHÍNH**

**PHỤ LỤC**

**RÀ SOÁT CÁC CAM KẾT CỦA VIỆT NAM TRONG HIỆP ĐỊNH NÔNG NGHIỆP CỦA WTO, EVFTA VÀ CPTPP[[9]](#footnote-9)**

**1.** Theo Điều 2 Hiệp định Nông nghiệp của WTO, Hiệp định này áp dụng đối với các nông sản liệt kê Phụ lục 1, bao gồm tất cả các sản phẩm được nêu từ Chương 1 đến Chương 24 và một số sản phẩm cụ thể thuộc các chương trình trong Hệ thống HS trừ cá và sản phẩm cá. Do vậy, khái niệm nông sản rất rộng, bao gồm cả các sản phẩm phái sinh (như bánh mỳ, gạo, rau quả, cà phê, hồ tiêu), các sản phẩm phái sinh (như bánh mỳ, bơ, dầu ăn, thịt) và các sản phẩm được chế biến từ sản phẩm nông nghiệp (như bánh kẹo, xúc xích, thuốc lá).

Theo quy định tại Điều 3 Hiệp định Nông nghiệp của WTO, các nước thành viên không được thực hiện các biện pháp trợ cấp cho người sản xuất trong Điều 6; không được trợ cấp xuất khẩu cho các nông sản hoặc nhóm nông sản nêu tại Mục II Phần IV Kế hoạch cam kết của nước đó vượt quá mức cam kết và không được trợ cấp xuất khẩu cho các nông sản không được nêu tại Mục II nói trên.

a. Đối chiếu với dự thảo Nghị quyết, biện pháp miễn thuế SDĐNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Nông nghiệp do:

- Biện pháp này tác động tới việc sản xuất nông sản quy định tại Điều 2 của Hiệp định, do đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật đất đai 2013 được sử dụng cho mục đích chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi.

- Biện pháp này có thể được xem như trợ cấp trong nước (domestic support) và cũng cần được kiểm tra xem có phải là trợ cấp xuất khẩu (export subsidy) theo quy định của Hiệp định Nông nghiệp hay không.

b. Theo quy định tại Điều 6 và Phụ lục 2 Hiệp định Nông nghiệp, các nước đang phát triển có thể thực hiện các biện pháp trợ cấp trong nước không thuộc diện phải cắt giảm (trợ cấp “hộp xanh lá cây) hoặc thuộc diện phải cắt giảm nhưng được áp dụng trong mức tối thiểu (trợ cấp “hộp hổ phách”).

c. Trợ cấp hộp xanh lá cây là các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ khuyến khích phát triển nông nghiệp và nông thôn trong các chương trình phát triển, trợ cấp đầu tư cho nông nghiệp và trợ cấp đầu vào nông nghiệp cho người sản xuất có thu nhập thấp hoặc khó khăn (Khoản 2 Điều 6 Hiệp định Nông nghiệp). Theo các nhóm: trợ cấp cho các dịch vụ chung (trợ cấp nghiên cứu khoa học, kiểm soát dịch bệnh, đào tạo); trợ cấp nhằm mục tiêu dinh dưỡng); hỗ trợ giảm nhẹ thiên tai (hỗ trợ giống, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y... cho vùng bị thiên tai); và hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất. Các biện pháp trợ cấp chỉ được xem là trợ cấp “hộp xanh lá cây” khi đáp ứng các điều kiện: (i) không hoặc rất ít tác động bóp méo thương mại; (ii) thông qua chương trình do Chính phủ tài trợ; (iii) không có tác dụng trợ giá cho người sản xuất (khoản 1 Phụ lục 2).

Việc miễn thuế SDĐNN là biện pháp hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất nông nghiệp. Mục tiêu của dự án Nghị quyết miễn thuế SDĐNN là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích hình thức kinh tế trang trại, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả SDĐNN, qua đó giúp người nông dân cải thiện đời sống, có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Như vậy, biện pháp miễn thuế SDĐNN có thể đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định tại Điều 6 và Phụ lục 2 của Hiệp định nông nghiệp cho trợ cấp “hộp xanh lá cây”.

d. Trường hợp không được công nhận là trợ cấp “hộp xanh lá cây” do bị xem là có tác đụng trợ giá cho người sản xuất, điểm b Khoản 4 Điều 6 Hiệp định Nông nghiệp cho phép các biện pháp trợ cấp “hộp hổ phách” với điều kiện trợ cấp nằm trong mức tối thiểu là 10% tổng giá trị sản lượng ngành nông nghiệp đối với các nước đang phát triển hoặc không vượt trần cam kết.

e. Theo dự thảo Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về chính sách thuế liên quan đến đất đai, nhiều nước thành viên WTO cũng đang áp dụng các ưu đãi về thuế cho đất nông nghiệp.

**2.** Trong Hiệp định CPTPP (có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019) và EVFTA (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/8/2020), qua rà soát cho thấy các cam kết của ta không đề cập trực tiếp với vấn đề miễn, giảm thuế SDĐNN. Do vậy, dự thảo Nghị quyết không trái với các cam kết của Việt Nam trong hai Hiệp định này.

1. Điều 192, Điều 193 Luật Đất đai năm 2024. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào nông nghiệp thì đối tượng được hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp, trong đó người sản xuất nông nghiệp thường có quy mô nông hộ hoặc trang trại. [↑](#footnote-ref-2)
3. Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc). [↑](#footnote-ref-3)
4. Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU’s Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. [↑](#footnote-ref-5)
6. Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 2/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-6)
7. Báo cáo giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phù phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã đề ra các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp theo từng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030. [↑](#footnote-ref-8)
9. Theo đánh giá của Bộ Ngoại giao tại công văn số 4768/BNG-LPQT ngày 05/12/2019. [↑](#footnote-ref-9)